

Số: 88 /NQ-HĐND

Bình Mỹ, ngày 27 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước; Thu, chi và phân bổ ngân sách trên địa bàn xã Bình Mỹ năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH MỸ  
KHÓA XII, KỲ HỌP LẦN THỨ TÁM**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 88 /TTr-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước; Thu, chi và phân bổ ngân sách trên địa bàn xã Bình Mỹ năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 18/12/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước; Thu, chi và phân bổ ngân sách trên địa bàn xã Bình Mỹ năm 2024 như sau:

<b>I. Tổng thu ngân sách là</b>	<b>:</b>	<b>17.470.000.000 đồng</b>
<b>1. Các khoản thu hưởng 100%</b>	<b>:</b>	<b>420.000.000 đồng</b>
Trong đó :		
1.1. Thu phí và lệ phí	:	40.000.000 đồng
1.2. Thu khác( Phạt, ủng hộ)	:	260.000.000 đồng
1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	:	120.000.000 đồng
<b>2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (xã hưởng 20%)</b>	<b>:</b>	<b>914.000.000 đồng</b>
Trong đó :		



2.1. Lệ phí môn bài, thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	:	14.000.000 đồng
2.2. Lệ phí trước bạ nhà, đất	:	900.000.000 đồng
<b>* Thu ngân sách huyện bổ sung</b>	:	<b>15.647.000.000 đồng</b>
<b>* Thu chuyển nguồn (CCTL 1490-1800)</b>	:	<b>489.000.000 đồng</b>

(Kèm theo biểu mẫu số 01: Cân đối ngân sách địa phương năm 2024 và biểu mẫu số 02: Tổng hợp dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024)

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024 là: 17.470.000.000 đồng, bao gồm các khoản chi sau:

- Chi thường xuyên:	17.128.000.000 đồng
- Chi dự phòng:	342.000.000 đồng

(Kèm theo biểu mẫu số 01: Cân đối ngân sách địa phương năm 2024; biểu mẫu số 03: Tổng hợp dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024)

**II. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2023:** (Kèm theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016)

*Tổng hợp dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023: Biểu mẫu số 03*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân xã thống nhất nhiệm vụ thu – chi ngân sách xã, các biện pháp trong điều hành ngân sách năm 2023 như báo cáo của Ủy ban nhân dân xã tại kỳ họp. Giao Ủy ban nhân dân xã triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, nhóm đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Bình Mỹ khóa XII, kỳ họp lần thứ tám thông qua ngày 27/12/2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND huyện, các Ban HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đại biểu HĐND huyện (ứng cử trên địa bàn xã);
- TT ĐU, TT.HĐND, UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành xã;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Tuấn**





**BIÊN CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

*(Xem theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND, ngày 27/12/2023 của UBND xã Bình Mỹ)*

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
<b>Tổng số thu</b>	<b>17.470.000.000</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>17.470.000.000</b>
<b>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	<b>420.000.000</b>	<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	
<b>II. Các khoản thu xã hưởng 20%</b>	<b>914.000.000</b>		
<b>III. Thu bổ sung</b>	<b>15.647.000.000</b>	<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>17.128.000.000</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	15.647.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu		<b>III. Dự phòng</b>	<b>342.000.000</b>
<b>IV. Thu chuyển nguồn (CCTL 1490-1800)</b>	<b>489.000.000</b>		



**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND, ngày 27/12/2023 của UBND xã Bình Mỹ)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	3	4	3	4	5=3/1	6=4/2
<b>Tổng thu</b>	<b>17.246.993.959</b>	<b>16.644.898.792</b>	<b>21.126.000.000</b>	<b>17.470.000.000</b>	<b>122,5%</b>	<b>105,0%</b>
<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>199.375.000</b>	<b>199.375.000</b>	<b>420.000.000</b>	<b>420.000.000</b>	<b>210,7%</b>	<b>210,7%</b>
<b>I. Các khoản thu ngân sách hưởng (100%)</b>	<b>199.375.000</b>	<b>199.375.000</b>	<b>420.000.000</b>	<b>420.000.000</b>	<b>210,7%</b>	<b>210,7%</b>
- Phí, lệ phí	46.100.000	46.100.000	40.000.000	40.000.000	86,8%	86,8%
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	85.497.465	85.497.465	120.000.000	120.000.000	140,4%	140,4%
- Thu khác	153.275.000	153.275.000	260.000.000	260.000.000	169,6%	169,6%
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>752.618.959</b>	<b>150.523.792</b>	<b>4.570.000.000</b>	<b>914.000.000</b>	<b>607,2%</b>	<b>607,2%</b>
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	72.700.000	14.540.000	70.000.000	14.000.000	96,3%	96,3%
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	679.918.959	135.983.792	4.500.000.000	900.000.000	661,8%	661,8%
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyên nguồn (CCTL 1490-1800)</b>			<b>489.000.000</b>	<b>489.000.000</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>16.295.000.000</b>	<b>16.295.000.000</b>	<b>15.647.000.000</b>	<b>15.647.000.000</b>	96,0%	96,0%
- Bổ sung cân đối ngân sách	16.295.000.000	16.295.000.000	15.647.000.000	15.647.000.000	96,0%	96,0%
- Bổ sung có mục tiêu						

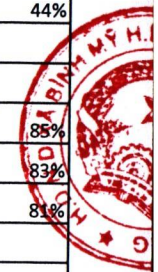


**TRƯỜNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND, ngày 27/12/2023 của UBND xã Bình Mỹ)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Dự toán năm 2024			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4 (12,13,14)	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	16.294.656.000		16.294.656.000	17.470.000.000		17.470.000.000	107%		107%
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	5.130.810.669		5.130.810.669	4.372.601.000		4.372.601.000	85%		85%
- Chi dân quân tự vệ	3.137.394.219		3.137.394.219	2.238.145.000		2.238.145.000	71,3%		71%
- Chi trật tự an toàn xã hội	1.993.416.450		1.993.416.450	2.134.456.000		2.134.456.000	107%		107%
2. Chi đào tạo	926.276.000		926.276.000	404.880.000		404.880.000	44%		44%
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	419.666.722		419.666.722	355.000.000		355.000.000	85%		85%
6. Chi phát thanh, truyền thanh	119.875.000		119.875.000	100.000.000		100.000.000	83%		83%
7. Chi thể dục, thể thao	246.896.000		246.896.000	200.000.000		200.000.000	81,01%		81%
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	578.000.000		578.000.000	632.000.000		632.000.000	109%		109%
- Giao thông, XDXB	230.000.000		230.000.000	50.000.000		50.000.000	22%		22%
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	100.000.000		100.000.000	30.000.000		30.000.000	30%		30%
- Thị chính - Môi trường	148.000.000		148.000.000	50.000.000		50.000.000	33,78%		34%
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác	100.000.000		100.000.000	502.000.000		502.000.000	502%		502%
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.578.517.359		8.578.517.359	10.664.608.000		10.664.608.000	124%		124%
10.1. Quản lý Nhà nước ( bao gồm CCTL)	6.068.945.582		6.068.945.582	8.708.262.889		8.708.262.889	143%		143%
Trong đó: Hội đồng nhân dân	751.734.550		751.734.550	599.110.000		599.110.000	80%		80%
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	748.603.469		748.603.469	456.074.000		456.074.000	61%		61%
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	193.326.250		193.326.250	165.541.111		165.541.111	86%		86%
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	225.352.045		225.352.045	225.000.000		225.000.000	100%		100%
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	221.188.295		221.188.295	248.000.000		248.000.000	112%		112%
10.6. Hội Cựu chiến binh	138.793.750		138.793.750	140.000.000		140.000.000	101%		101%
10.7. Hội Nông dân	248.965.780		248.965.780	215.000.000		215.000.000	86%		86%
10.8. Tổ chức XH khác ( Hội chữ thập đỏ, người cao tuổi )	368.701.367		368.701.367	390.000.000		390.000.000	106%		106%
-Hội chữ thập đỏ	189.350.367		189.350.367	190.000.000		190.000.000	100%		100%



-Người cao tuổi	179.351.000		179.351.000	200.000.000		200.000.000	112%		112%
10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội	<b>294.614.250</b>		<b>294.614.250</b>	<b>398.911.000</b>		<b>398.911.000</b>	135%		135%
- Chính sách và hoạt động phục vụ người có công cách mạng	48.200.000		48.200.000	50.000.000		50.000.000	104%		104%
- Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	60.600.000		60.600.000	91.720.000		91.720.000	151%		151%
- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách	185.814.250		185.814.250	257.191.000		257.191.000	138%		138%
- Trợ cấp xã hội									
12. Chi khác									
<b>13. Dự phòng</b>	<b>350.500.000</b>		<b>350.500.000</b>	<b>342.000.000</b>		<b>342.000.000</b>	98%		98%
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

